

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

**Báo cáo tài chính đã được soát xét
cho kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 06 năm 2013**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	4-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 26

00448
CÔNG
CH NHIỆM
KIỂM T
C VIỆT
- TP. HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

1. Công ty

Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa ("Công ty") được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 7 tháng 8 năm 2007 và thay đổi lần thứ tư vào ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thiết kế, chế tạo, sản xuất, mua bán thiết bị điện, điện tử, tin học viễn thông (kể cả phần cứng, phần mềm).
- Sản xuất, mua bán máy điều hòa không khí, thiết bị hệ thống lạnh.
- Thiết kế, sản xuất, mua bán các linh kiện, cụm linh kiện, chi tiết cho các thiết bị điện, điện tử, máy điều hòa không khí, hệ thống lạnh.
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê căn hộ, văn phòng, kho tàng, nhà xưởng, bến bãi.
- Dịch vụ lắp đặt, bảo trì các thiết bị, hệ thống lạnh, mạng tin học, âm thanh, ánh sáng.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu dân cư.

Trong 6 tháng đầu năm 2013, hoạt động chính của Công ty là : sản xuất, gia công linh kiện điện tử, cho thuê bất động sản.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Hoàng Long	Chủ tịch – Bổ Nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Anh Dũng	Chủ tịch – Từ nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Trần Thanh Lưu	Thành viên
Bà Lê Thị Ngọc Thủy	Thành viên
Ông Hà Hữu Quang	Thành viên - Bổ Nhiệm từ ngày 26 tháng 4 năm 2013

Ban kiểm soát

Bà Trần Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban kiểm soát
Bà Hà Thị Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Trãi	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Giám đốc
Ông Trần Minh Đức	Phó Giám đốc
Ông Phan Cao Hiệp	Phó Giám đốc
Ông Hà Hữu Quang	Phó Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định Soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

LƯU HOÀNG LONG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2013

Số : 88/2013/BCSX-HCM.00195

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 của
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Kính gửi: Các quý Cổ đông Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính gồm : Bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày, được lập vào ngày 10 tháng 8 năm 2013 của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được trình bày từ trang 4 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không có chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính đính kèm theo đây, không phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN 0173.2013.009.1

LÊ NGỌC HẢI
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN 0179.2013.009.1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.955.353.222	31.370.383.969
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	9.295.586.677	11.719.311.251
Tiền	111		3.795.586.677	10.219.311.251
Các khoản tương đương tiền	112		5.500.000.000	1.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		11.729.146.189	9.464.226.894
Phải thu khách hàng	131	4.2	10.069.934.151	7.534.785.490
Trả trước cho người bán	132	4.3	42.829.600	30.661.600
Các khoản phải thu khác	135	4.4	1.616.382.438	1.898.779.804
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140	4.5	5.666.658.744	9.940.401.117
Hàng tồn kho	141		5.670.479.422	9.992.813.066
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.820.678)	(52.411.949)
Tài sản ngắn hạn khác	150		263.961.612	246.444.707
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		61.166.259	26.737.505
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.13	50.026.516	219.707.202
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		5.391.837	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		147.377.000	-

1489

VG T
HIỆM H
I TOA
ỆT N
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.311.123.477	5.049.893.416
Tài sản cố định	220		2.549.871.703	3.195.878.169
Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	2.466.643.794	3.112.650.260
Nguyên giá	222		22.855.241.141	23.816.409.964
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.388.597.347)	(20.703.759.704)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228	4.7	108.436.107	127.708.107
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(108.436.107)	(127.708.107)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		83.227.909	83.227.909
Bất động sản đầu tư	240	4.8	542.647.506	681.987.706
Nguyên giá	241		6.211.957.943	6.211.957.943
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(5.669.310.437)	(5.529.970.237)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.9	956.500.000	956.500.000
Đầu tư vào công ty con	251		510.000.000	510.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		446.500.000	446.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		262.104.268	215.527.541
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	262.104.268	215.527.541
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		31.266.476.699	36.420.277.385

5-C.T.
Y
U HAN
N
IM
HỒ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.508.864.894	2.866.344.850
Nợ ngắn hạn	310		1.331.644.294	2.708.828.250
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.11	333.437.751	1.950.881.280
Người mua trả tiền trước	313	4.12	434.928.027	246.929.982
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.13	8.013.376	611.235.152
Phải trả công nhân viên	315		-	-
Chi phí phải trả	316		99.522.000	1.328.166
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.14	496.926.447	19.285.572
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.15	(41.183.307)	(120.831.902)
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		177.220.600	157.516.600
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		177.220.600	157.516.600
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.757.611.805	33.553.932.535
Vốn chủ sở hữu	410	4.16	29.757.611.805	33.553.932.535
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.000.000.000	29.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.804.808.050	1.758.068.050
Quỹ dự phòng tài chính	418		505.591.690	458.851.690
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		(1.552.787.935)	2.337.012.795
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		31.266.476.699	36.420.277.385

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

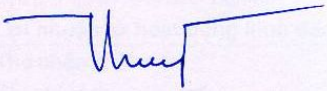
Số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2013	01/01/2013
Tài sản thuê ngoài	-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	30.303.506	30.303.506
Ngoại tệ các loại (USD)	124.064,93	109.876,86
Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-


LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng




NGUYỄN VĂN THÀNH
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2013



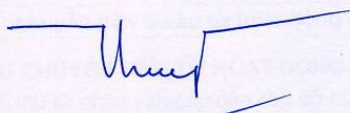
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến 30 tháng 06 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		42.509.376.261	50.066.192.179
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	42.509.376.261	50.066.192.179
Giá vốn hàng bán	11	5.2	38.177.109.629	41.060.460.900
Lợi nhuận gộp	20		4.332.266.632	9.005.731.279
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	486.933.454	333.714.713
Chi phí tài chính	22	5.4	40.883.400	342.945.930
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	5.5	1.115.998.780	2.178.386.860
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	5.405.031.379	4.658.697.067
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(1.742.713.473)	2.159.416.135
Thu nhập khác	31	5.7	343.505.238	263.831.006
Chi phí khác	32	5.8	153.579.700	202.619.670
Lợi nhuận khác	40		189.925.538	61.211.336
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.552.787.935)	2.220.627.471
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	-	427.362.175
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.552.787.935)	1.793.265.296
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	(1.080)	618


LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng




NGUYỄN VĂN THÀNH
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

Số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến 30 tháng 06 năm 2013

	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	(1.552.787.935)	2.220.627.471
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	722.682.903	739.524.973
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(48.591.271)	(159.296.986)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(278.525.470)	(333.714.713)
Chi phí lãi vay	06	-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	(1.157.221.773)	2.467.140.745
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(2.248.007.446)	71.913.395
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	4.322.333.644	4.682.680.308
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(1.148.745.805)	(51.725.837)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(18.341.718)	43.114.836
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(288.382.746)	(675.922.221)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(133.884.200)	(189.549.103)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(672.250.044)	6.347.652.123
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(16.727.273)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	278.525.470	138.576.731
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	278.525.470	121.849.458
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.030.000.000)	(2.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.030.000.000)	(2.900.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(2.423.724.574)	3.569.501.581
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	11.719.311.251	957.953.065
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	9.295.586.677	4.527.454.646

LÊ THỊ NGỌC THUY

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN THÀNH

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần điện tử Bình Hòa ("Công ty") được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006, thay đổi lần thứ nhất ngày 7 tháng 8 năm 2007 và thay đổi lần thứ hai lần thứ tư vào ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có trụ sở chính tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VBH.

Trong năm 2013, hoạt động chính của Công ty là : sản xuất, gia công linh kiện điện tử, cho thuê bất động sản đầu tư.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2013, tổng số nhân viên của Công ty là 607 người (ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 698 người) , trong đó số nhân viên quản lý là 121 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo ngân hàng Vietcombank công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí phát sinh và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ cho mỗi đơn vị sản phẩm theo sản lượng thành phẩm sản xuất trong kỳ (tháng).

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 6 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị nhà kho và phân xưởng của Công ty được dùng cho thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động.

Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 10 năm.

3.8 Đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất đầu tư đối với các khoản còn đầu tư tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, phí duy trì tên miền, phí duy trì mail, lưu trữ trang web. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm kể từ khi phát sinh.

3.10 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

3.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu và số lao động, Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong 10 năm đầu (từ năm 2006), và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm (năm 2006 và năm 2007), và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2012).

Năm 2012 là năm cuối cùng công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp theo công văn số 3369/TCT-PCCS ngày 11 tháng 9 năm 2006 của Tổng Cục thuế.

3.13 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số 6.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt tồn quỹ	855.444.668	604.028.444
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	331.688.915	7.326.767.567
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	2.608.453.094	2.288.515.240
Tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn 1 tháng)	5.500.000.000	1.500.000.000
	9.295.586.677	11.719.311.251

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bằng USD vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 124.064,93 USD tương đương 2.608.453.094 VND.

4.2 Các khoản phải thu thương mại

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu khách hàng trong nước	5.302.584.846	1.718.728.532
Phải thu khách hàng nước ngoài - USD	4.767.349.305	5.816.056.958
	10.069.934.151	7.534.785.490

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, trong số dư phải thu thương mại bao gồm khoản phải thu có gốc ngoại tệ là 226.850,28 USD tương đương 4.767.349.305 VND.

4.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Trả trước người bán trong nước	42.829.600	30.661.600
	42.829.600	30.661.600

4.4 Các khoản phải thu khác

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu của Tecco	1.502.658.918 (*)	1.602.658.918
Phải thu của Lambda	113.723.520	3.299.155
Phải thu của Tohozinc	-	68.348.957
Phải thu tiền ốm đau của BHXH	-	220.860.694
Phải thu khác	-	3.612.080
	1.616.382.438	1.898.779.804

(*) Đây là khoản tiền ứng cho Công ty Tecco thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh, nhưng đến nay hợp đồng này đã thanh lý và đang thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

4.5 Hàng tồn kho

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Nguyên vật liệu	5.029.923.573	8.804.547.944
Công cụ, dụng cụ	244.187.279	333.311.337
Thành phẩm	396.368.570	854.953.785
Cộng giá gốc hàng tồn kho	5.670.479.422	9.992.813.066
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.820.678)	(52.411.949)
Giá trị thuần	5.666.658.744	9.940.401.117

4.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Vào ngày 01/01/2013	16.497.634.749	3.015.664.740	2.580.101.751	1.723.008.724	23.816.409.964
Tăng trong kỳ	-	-	-	19.090.909	19.090.909
Phân loại lại	(117.447.125)	(535.962.046)	(62.265.200)	(264.585.361)	(980.259.732)
Vào ngày 30/06/2013	16.380.187.624	2.479.702.694	2.517.836.551	1.477.514.272	22.855.241.141
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 01/01/2013	13.918.581.722	2.876.383.180	2.235.151.241	1.673.643.561	20.703.759.704
Khấu hao trong kỳ	435.843.643	81.321.960	49.316.200	16.860.900	583.342.703
Phân loại lại	(117.447.125)	(505.802.546)	(62.265.200)	(212.990.189)	(898.505.060)
Vào ngày 30/06/2013	14.236.978.240	2.451.902.594	2.222.202.241	1.477.514.272	20.388.597.347
Giá trị còn lại					
Vào ngày 01/01/2013	2.579.053.027	139.281.560	344.950.510	49.365.163	3.112.650.260
Vào ngày 30/06/2013	2.143.209.384	27.800.100	295.634.310	-	2.466.643.794

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 7.765.481.800 VND

4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Bản quyền hệ điều hành Microsoft VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Vào ngày 01/01/2013	108.436.107	108.436.107
Vào ngày 30/06/2013	108.436.107	108.436.107
Giá trị hao mòn lũy kế		
Vào ngày 01/01/2013	108.436.107	108.436.107
Vào ngày 30/06/2013	108.436.107	108.436.107
Giá trị còn lại		
Vào ngày 01/01/2013	-	-
Vào ngày 30/06/2013	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

4.8 Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2013	6.211.957.943
Vào ngày 30/06/2013	6.211.957.943
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2013	5.529.970.237
Khấu hao trong kỳ	139.340.200
Vào ngày 30/06/2013	5.669.310.437
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2013	681.987.706
Vào ngày 30/06/2013	542.647.506

4.9 Đầu tư dài hạn

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần TM DV Bình Minh	510.000.000 (a)	510.000.000
Công ty CP Đầu tư XD và Ứng dụng CN Mới TECCO	446.500.000 (b)	446.500.000
	956.500.000	956.500.000

(a) Công ty Cổ phần TM DV Bình Minh được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001194 ngày 11 tháng 9 năm 2002 và thay đổi lần thứ nhất vào ngày 11 tháng 5 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Hoạt động chính của công ty này là sản xuất linh kiện điện tử và vốn điều lệ đăng ký là 5.000.000.000 đồng, trong đó Công ty phải góp 51% tương ứng 2.550.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 06 năm 2013, Công ty đã góp 510.000.000 đồng đạt 20% của số vốn mà Công ty phải góp; và chỉ đạt 30% trên tổng số vốn mà các cổ đông đã góp vào công ty này là 1.699.000.000 đồng.

(b) Khoản góp vốn đầu tư vào dự án Cao ốc căn hộ - Thương mại dịch vụ - Văn phòng cho thuê tại số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐNT ngày 9 tháng 12 năm 2008 với Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng và Ứng Dụng Công Nghệ Mới (TECCO). Đây là khoản ứng trước theo thỏa thuận của Hợp đồng nguyên tắc, chưa xác định tổng số tiền phải góp và tiến độ góp vốn, đến thời điểm này dự án chưa triển khai xây dựng.

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Công cụ, dụng cụ	231.012.980	176.494.642
Phí duy trì tên miền	27.084.083	34.224.250
Khác	4.007.205	4.808.649
	262.104.268	215.527.541

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Số dư đầu kỳ	215.527.541	260.211.705
Phát sinh tăng trong kỳ	146.598.491	129.044.585
Phân bổ trong kỳ	(100.021.764)	(151.984.672)
Số dư cuối kỳ	262.104.268	237.271.618

4.11 Phải trả người bán

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải trả người bán trong nước	110.325.115	-
Phải trả người bán nước ngoài	223.112.636	1.950.881.280
	333.437.751	1.950.881.280

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, số dư phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 10.566,32 USD tương đương 223.112.636 VND.

4.12 Người mua trả tiền trước

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Người mua trong nước	434.928.027	246.929.982
	434.928.027	246.929.982

4.13 Thuế

Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và các khoản phải thu nhà nước

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	50.026.516	219.707.202
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (1)	5.391.837	-
	55.418.353	219.707.202

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	288.382.745
Thuế thu nhập cá nhân	8.013.376	2.340.000
Tiền thuê đất của nhà nước	-	320.512.407
	8.013.376	611.235.152

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

(1) Chi tiết phát sinh tiền thuê đất 6 tháng đầu năm 2013 như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Số phải nộp trong năm 2013	4.277.457.130
Giảm trừ 50% tiền thuê đất phải nộp theo Quyết định 2093/QĐ-TTg (*)	(2.138.728.565)
Số phải nộp trong 6 tháng đầu năm 2013	1.069.364.283
Tiền thuê đất năm 2012 đã nộp trong năm 2013	(320.512.407)
Tiền thuê đất 6 tháng đầu năm 2013 đã nộp	(1.074.756.120)
Tiền thuê đất 6 tháng đầu năm 2013 nộp thừa	(5.391.837)

(*) Căn cứ vào Quyết định số 2093/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Thủ Tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất cho một số tổ chức kinh tế có thuê đất của Nhà nước. Công ty thuộc diện được giảm tiền thuê đất theo quyết định này.

Trong thời gian chờ bổ túc hồ sơ để được cấp thẩm quyền xem xét giảm tiền thuê đất theo quy định Công ty đã tạm thời tính giảm 50% tiền thuê đất năm 2013 phải nộp theo thông báo.

4.14 Phải trả khác

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Kinh phí công đoàn	53.196.680	-
Phải trả chi phí cổ phần hoá	19.285.572	19.285.572
Phải trả Tohozinc	15.624.670	-
BHXXH	313.198.359	-
BHYT	65.522.402	-
BHTN	30.098.764	-
	496.926.447	19.285.572

4.15 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Số dư đầu năm	(120.831.902)	219.913.945
Trích lập quỹ trong kỳ	213.532.795	419.534.256
Chi quỹ trong kỳ	(133.884.200)	(189.549.103)
Số dư cuối năm	(41.183.307)	(449.899.098)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

4.16 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Năm trước					
Số dư 01/01/2012	29.000.000.000	1.571.317.902	274.310.406	3.690.825.688	34.536.453.996
Lãi trong năm	-	-	-	2.337.012.795	2.337.012.795
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	186.750.148	184.541.284	(371.291.432)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(419.534.256)	(419.534.256)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.900.000.000)	(2.900.000.000)
Số dư 31/12/2012	29.000.000.000	1.758.068.050	458.851.690	2.337.012.795	33.553.932.535
Năm nay					
Số dư 01/01/2013	29.000.000.000	1.758.068.050	458.851.690	2.337.012.795	33.553.932.535
Lãi trong kỳ này	-	-	-	(1.552.787.935)	(1.552.787.935)
Trích quỹ từ lợi nhuận	-	46.740.000	46.740.000	(93.480.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(213.532.795)	(213.532.795)
Chia cổ tức	-	-	-	(2.030.000.000)	(2.030.000.000)
Số dư 30/06/2013	29.000.000.000	1.804.808.050	505.591.690	(1.552.787.935)	29.757.611.805

Trong năm 2013, Công ty đã trích lập các quỹ đầu tư phát triển, dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2012 và chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2013, số 22/NQ/2013-BH – ĐHCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013.

Vốn đầu tư chủ sở hữu

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004312 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 17 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ là 29.000.000.000 đồng được chia thành 2.900.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu

	2013	2012
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1	Doanh thu	Từ 01/01/2013 đến 30/06 2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
	Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	38.727.568.663	46.900.329.442
	- Nội địa	19.795.592.634	19.400.077.609
	- Xuất khẩu	18.931.976.029	27.500.251.833
	Doanh thu cho thuê bất động sản	2.941.667.816	2.139.710.529
	Doanh thu bán vật tư	-	607.338.824
	Doanh thu bán phế liệu	115.843.531	50.739.583
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	716.659.887	345.073.801
	Doanh thu bán hàng hóa	7.636.364	23.000.000
	Doanh thu thuần bán hàng hóa và dịch vụ	42.509.376.261	50.066.192.179
5.2	Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2013 đến 30/06 2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
	Giá vốn thành phẩm	37.415.587.213	40.089.192.642
	- Nội địa	20.517.590.418	18.676.699.128
	- Xuất khẩu	16.897.996.795	21.334.628.311
	Giá vốn cho thuê bất động sản	802.706.414	658.488.550
	Giá vốn bán vật tư	-	449.331.240
	Giá vốn bán hàng hóa	7.407.273	22.745.454
	Dự phòng /(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(48.591.271)	(159.296.986)
		38.177.109.629	41.060.460.900
	Trong giá vốn thành phẩm bao gồm:	Từ 01/01/2013 đến 30/06 2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
	Chi phí nguyên vật liệu	18.473.619.709	15.598.059.948
	Chi phí nhân công	13.625.119.979	17.050.870.038
	Chi phí khấu hao	445.985.663	467.558.770
	Các chi phí khác	4.412.096.647	5.656.376.286
	Cộng : tồn kho thành phẩm đầu năm	854.953.785	1.316.327.600
	Trừ : tồn kho thành phẩm cuối kỳ	(396.368.570)	-
		37.415.587.213	40.089.192.642

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/06 2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	258.125.470	15.146.244
Cổ tức	20.400.000	71.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	208.407.984	247.168.469
	486.933.454	333.714.713

5.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2013 đến 30/06 2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	40.883.400	342.945.930
	40.883.400	342.945.930

5.5 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2013 đến 30/06 2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí vật liệu bao bì	796.487.426	1.604.983.941
Chi phí xuất hàng	226.392.573	367.662.451
Chi phí quảng cáo	20.856.818	205.714.228
Chi phí khác	72.261.963	26.240
	1.115.998.780	2.178.386.860

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2013 đến 30/06 2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nhân viên	2.873.156.268	2.632.460.086
Chi phí đồ dùng văn phòng	192.821.260	154.583.486
Chi phí khấu hao	137.357.040	118.120.645
Tiền thuê đất	641.567.705	524.627.998
Thuế, phí và lệ phí	250.888.441	91.383.018
Chi phí khác bằng tiền	1.309.240.665	1.137.521.834
	5.405.031.379	4.658.697.067

5.7 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2013 đến 30/06 2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Thu tiền đền bù vật tư	343.505.238	263.831.006
	343.505.238	263.831.006

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

5.8 Chi phí khác

	Từ 01/01/2013 đến 30/06 2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi đền bù, bồi thường	37.972.147	125.519.670
Chi thù lao Hội đồng quản trị	85.600.000	77.100.000
Chi phí khác	30.007.553	-
	153.579.700	202.619.670

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Từ 01/01/2013 đến 30/06 2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	(1.552.787.935)	2.220.627.471
Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận khi xác định lợi nhuận tính thuế	53.400.000	(87.329.156)
Thu nhập không chịu thuế	(20.400.000)	(71.400.000)
Chênh lệch tạm thời do chênh lệch tỷ giá	-	(53.729.156)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	-	-
Chi phí không được khấu trừ	73.800.000	37.800.000
Lợi nhuận chịu thuế trong đó:	(1.499.387.935)	2.133.298.315
Lợi nhuận chịu thuế suất 25%	(1.499.387.935)	2.133.298.315
Lợi nhuận chịu thuế suất 20%	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận chịu thuế	-	533.324.580
Thuế thu nhập được ưu đãi theo dự án (25% x 50%)	-	(81.509.542)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(24.452.863)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	427.362.175

5.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2013 đến 30/06 2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(1.552.787.935)	1.793.265.296
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.900.000	2.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.080)	618

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

5.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố chi phí

	Từ 01/01/2013 đến 30/06 2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu	19.736.279.623	18.673.167.741
Chi phí nhân viên	16.498.276.247	19.892.505.857
Chi phí khấu hao	722.682.903	739.524.973
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	(48.591.271)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.087.325.716	2.922.712.932
Chi phí khác bằng tiền	4.702.166.570	5.669.633.324
	44.698.139.788	47.897.544.827

6. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý tại thuyết minh mục số 5.1 và 5.2

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hoá lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hoá số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc nguồn vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông.

Các công cụ tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2013	31/12/2012	30/06/2013	31/12/2012
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	9.295.586.677	11.719.311.251	9.295.586.677	11.719.311.251
Phải thu khách hàng	10.069.934.151	7.534.785.490	10.069.934.151	7.534.785.490
Phải thu khác	1.659.212.038	1.929.441.404	1.659.212.038	1.929.441.404
Đầu tư dài hạn	956.500.000	956.500.000	956.500.000	956.500.000
	21.981.232.866	22.140.038.145	21.981.232.866	22.140.038.145
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	333.437.751	1.950.881.280	333.437.751	1.950.881.280
Các khoản phải trả khác	1.208.597.074	425.060.320	1.208.597.074	425.060.320
	1.542.034.825	2.375.941.600	1.542.034.825	2.375.941.600

Công cụ tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 do thông tư số 210/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành cũng như quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường: Hoạt động của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất, tỷ giá và rủi ro về biến động giá.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn rủi ro của mình.

Rủi ro tỷ giá : là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái có liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ tài chính như sau:

	Nợ phải trả		Tài sản	
	30/06/2013	31/12/2012	30/06/2013	31/12/2012
USD	223.112.636	1.950.881.280	7.911.037.940	8.104.572.198

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài và công ty chưa có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên:

Phải thu khách hàng : Do kênh phân phối sản phẩm của Công ty thông qua thương mại (là bên liên quan do Công ty đầu tư) nên Công ty cùng với bên liên quan có chính sách phù hợp và thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được, duy trì kiểm soát đối với các khoản phải thu tồn đọng, bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng : Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

Công cụ tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản : là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu phát sinh từ việc bán tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý tính thanh khoản thông qua việc duy trì lượng tiền mặt, tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cho hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động này.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên thời gian dự kiến thanh toán theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu :

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Đơn vị tính VND Cộng
Vào ngày 30/06/2013			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	333.437.751	-	333.437.751,00
Các khoản phải trả khác	1.208.597.074	-	1.208.597.074
	1.542.034.825	-	1.542.034.825
Vào ngày 31/12/2012			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	1.950.881.280	-	1.950.881.280
Các khoản phải trả khác	425.060.320	-	425.060.320
	2.375.941.600	-	2.375.941.600

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn đáo hạn của các tài sản tài chính phi phái sinh của Công ty dựa trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở nợ phải trả và tài sản tài chính.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Đơn vị tính : VND Cộng
Vào ngày 30/06/2013			
Tiền và tương đương tiền	9.295.586.677	-	9.295.586.677
Phải thu khách hàng	10.069.934.151	-	10.069.934.151
Phải thu khác	1.659.212.038	-	1.659.212.038
Đầu tư dài hạn	-	956.500.000	956.500.000
	21.024.732.866	956.500.000	21.981.232.866
Vào ngày 31/12/2012			
Tiền và tương đương tiền	11.719.311.251	-	11.719.311.251
Phải thu khách hàng	7.534.785.490	-	7.534.785.490
Phải thu khác	1.929.441.404	-	1.929.441.404
Đầu tư dài hạn	-	956.500.000	956.500.000
	21.183.538.145	956.500.000	22.140.038.145

Công ty có nắm giữ tiền đặt cọc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013 là 177.220.600 VND và ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 157.516.600 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty điện tử tin học Việt Nam	Cổ đông chi phối (công ty mẹ)
Công ty CP TM DV Bình Minh	Công ty con
Công ty cổ phần Công nghệ mới	Cổ đông lớn

Trong kỳ tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau :

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND
Công ty CP TM DV Bình Minh	Cho thuê kho xưởng Thu cổ tức 2012	110.231.904 20.400.000
Công ty cổ phần Công nghệ mới	Thu tiền thanh lý hợp đồng Chi cổ tức năm 2012	100.000.000 553.770.000

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau :

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) VND
Tổng Công ty Điện tử Tin học Việt Nam	Phải trả chi phí bàn giao công ty Nhà nước sang công ty cổ phần	(19.285.572)
Công ty cổ phần Công nghệ mới	Phải thu tiền thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh và lãi trả chậm	1.502.658.918

8.2. Tiền lương trả cho Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát như sau:

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Lương Ban Giám đốc	332.421.000	238.332.000
Thù lao cho các thành viên, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	72.600.000	37.800.000
	405.021.000	276.132.000

8.3. Các cam kết thuê hoạt động


Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 204 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho và nhà xưởng sản xuất và thuê đất tại Khu công nghiệp Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để làm nhà máy sản xuất. Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả hàng năm trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Trong vòng 1 năm VND	Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5 VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
Số 204 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, TP.HCM	2.134.487.765	8.537.951.060	7.470.707.178	18.143.146.003
Khu công nghiệp Hố Nai, tỉnh Đồng Nai	234.892.394	939.569.574	7.488.369.507	8.662.831.475
	2.369.380.159	9.477.520.634	14.959.076.685	26.805.977.478

Tiền thuê đất năm 2013 tại 204 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh được tính theo đơn giá thuê mới do Sở Tài Chính ban hành;

Trong đó:

- + Đất thuê làm văn phòng là: 218.900 đ/m²/năm
- + Đất thuê đất làm xưởng, kho là: 173.300 đ/m²/năm.


LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng




NGUYỄN VĂN THÀNH
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2013